

Số: /QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng; Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 19/5/2021 về ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn

mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 – 2030.

Theo đề nghị của UBND xã Tân Lập tại Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 13/6/2024; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 80/BC-KT&HT ngày 28/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch chung:

2.1. Phạm vi ranh giới: là toàn bộ địa giới hành chính của xã Tân Lập với Tổng diện tích tự nhiên khoảng 2.359,3 ha, ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Đồng Ý- huyện Bắc Sơn;
- Phía Nam giáp xã Tân Hương - huyện Bắc Sơn;
- Phía Đông giáp thị trấn Bắc Sơn và xã Chiêu Vũ - huyện Bắc Sơn;
- Phía Tây giáp xã Vũ Sơn - huyện Bắc Sơn;

2.2. Quy mô dân số lao động

a) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số năm 2023 là: 2.713 người; năm 2022 là 2.692 người;
- Dự báo dân số đến năm 2025: Khoảng 2.804 người;
- Dự báo dân số đến năm 2030: Khoảng 2.968 người;

- Tốc độ gia tăng dân số trung bình mỗi năm khoảng 1,25 %;

b) Lao động:

- Dân số trong độ tuổi lao động năm 2023 là: 1.654 người, chiếm 61,0% tổng dân số;

Dự báo:

- Năm 2025 số lao động của xã là khoảng 1.828 người, chiếm 65,0% tổng dân số;

- Năm 2030 số lao động của xã là khoảng 1.913 người, chiếm 68,0% tổng dân số;

3. Quan điểm, mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

3.1. Quan điểm:

- Kế thừa đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, tận dụng tối đa hiện trạng để đề ra giải pháp quy hoạch;

- Tuân thủ định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai;

- Cập nhật, khớp nối các dự án khả thi và đang triển khai trên địa bàn;

- Đảm bảo tính bền vững và tăng khả năng thích ứng với môi trường;

- Quy hoạch định hướng phát triển xã bám sát trên cả 3 lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường:

+ Kinh tế - xã hội: Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc về vị trí khu vực đầu mối giao thông chính của xã kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định; về quy mô đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Vị trí lập có thể phân tán hoặc lồng ghép trong các khu chức năng khác như: điểm tiêu thụ công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại- du lịch, trung tâm hành chính xã... Giải quyết vấn đề việc làm cho người dân trong khu vực gồm: Sản xuất sản phẩm nông-lâm nghiệp; Phục vụ sản xuất (Vận chuyển hoặc thương mại hóa sản phẩm); Dịch vụ trong các ngành kinh tế.

+ Môi trường: Giảm thiểu những tác động của hoạt động xây dựng, phát triển kinh tế lên môi trường, sinh thái. Đề xuất các biện pháp bảo vệ giữ gìn sinh thái bền vững song song với những hoạt động sản xuất nông nghiệp, có kế hoạch trồng và khai thác lâm nghiệp phù hợp, đối phó với biến đổi khí hậu. Tận dụng những lợi thế từ môi trường, cảnh quan bước đầu hỗ trợ phát triển mô hình du lịch sinh thái, nông nghiệp tăng thu nhập cho người dân.

3.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng quy hoạch chung xã phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của toàn huyện; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt.

- Xác định phương hướng, nhiệm vụ cải tạo và xây dựng mới trên địa bàn xã; phát triển khu trung tâm xã, xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội theo hướng hiện đại, tập trung và bài bản; tạo lập môi trường, sản xuất, sinh hoạt thích hợp trước mắt và lâu dài; bảo vệ cảnh quan môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội;

- Hoàn thiện, kết nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã (giao thông, điện, cấp và thoát nước...); xây dựng, cải tạo công trình; cảnh quan đáp ứng các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Phấn đấu cuối năm 2025 đưa xã Tân Lập đạt chuẩn nông thôn mới Nâng Cao.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã, thu hút đầu tư xây dựng.

3.3. Tính chất, chức năng của xã:

Với các đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên hiện trạng của xã, về cơ bản xã Tân Lập là một xã thuần nông, kinh tế chủ yếu của xã vẫn dựa vào sản xuất nông - lâm nghiệp là chủ yếu. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng vẫn đặt phát triển nông-lâm nghiệp làm trọng tâm, tạo chiều sâu, nâng giá trị cho sản xuất nông-lâm nghiệp của xã, chú trọng tăng năng suất lao động, chú trọng đầu tư đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp của xã bên cạnh đó cũng đẩy mạnh đa dạng hóa thêm các ngành nghề khác trong xã hội thuộc các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái- lịch sử- văn hóa, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng khu trung tâm xã khang trang hiện đại quy củ tiên gần với những tiêu chuẩn đô thị, thay đổi bộ mặt của xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học.

3.4. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

- Nền kinh tế của xã Tân Lập chủ yếu vẫn dựa vào ngành nông-lâm nghiệp. Trên cơ sở thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cảnh quan, khí hậu, cần có giải pháp quy hoạch, đầu tư hạ tầng nông thôn mang tính chiến lược lâu dài, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi theo hướng mô hình hiện đại có hiệu quả, khuyến khích mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo phát triển bền vững.

- Lĩnh vực lâm nghiệp, tuy có diện tích đất lâm nghiệp lớn chiếm đến hơn 30% diện tích tự nhiên của xã tuy nhiên diện tích rừng tại xã Tân Lập bao gồm rừng trên núi đá 629 ha, diện tích có rừng núi đất là 158,38 ha (trong đó diện

tích quy hoạch cho rừng phòng hộ núi đất đã là 61,92 ha, diện tích núi đất có rừng cho rừng sản xuất là 93,3 ha, chỉ có thể thực hiện trồng lại sau khai thác đối với diện tích 71 ha đã có rừng trồng. Do đó xã Tân Lập không còn quỹ đất trống để phát triển thêm diện tích trồng cây lâm nghiệp, do vậy quy hoạch đối với đất lâm nghiệp xã chỉ tập trung vào chú trọng công tác quản lý bao gồm có: bảo vệ rừng, và phòng cháy chữa cháy rừng. Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, trong đó: đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế suy thoái rừng và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: đối với trồng cây ăn quả và cây lâu năm: chuyển đổi cây trồng phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, phù hợp với đầu ra nhất là những loại cây có múi và một số các loại hoa quả khác phù hợp khí hậu, thổ nhưỡng có giá trị sản phẩm tốt. Đặc biệt là quýt vàng, cam canh,... là những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu của Huyện. Trú trọng vào sản phẩm cây công nghiệp địa phương cây thuốc lá lá, cây lạc với diện tích trồng hàng năm tương đối lớn tại xã. Trú trọng đầu ra, bao tiêu sản phẩm, nghiên cứu dây chuyền sản xuất các sản phẩm từ cây thuốc lá ra thị trường tạo thương hiệu địa phương. Ngoài ra cũng phát triển mô hình trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây dược liệu và mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, chăn thả dê trên núi đá, nuôi trồng thủy sản. Đây cũng sẽ là hạt nhân tiềm năng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Cần tiếp tục nhân rộng các hình thức hợp tác xã, doanh nghiệp, quy hoạch sản xuất khoanh vùng các loại cây, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo động lực phát triển kinh tế. Chú trọng phát triển các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

- Dự báo đến năm 2030 kinh tế xã Tân Lập phát triển theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, nhưng vẫn giữ trọng tâm phát triển là nông-lâm nghiệp. Chất lượng, sản lượng sản phẩm nông lâm nghiệp được nâng cao, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển mô hình kinh tế trang trại. Bên cạnh đó hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn bằng cách xây dựng một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp phục vụ gia công thô sản phẩm nông nghiệp và đẩy mạnh thương mại dịch vụ, kết hợp du lịch văn hóa- lịch sử- sinh thái- cảnh quan tận dụng những tiềm năng sẵn có tại địa phương tăng thu nhập cho người dân, ít tác động lớn tới môi trường sinh thái.

4. Nội dung quy hoạch chung:

4.1. Phân khu chức năng:

* Quy hoạch khu trung tâm: tổ chức thành 2 cấp gồm trung tâm xã và trung tâm thôn đảm bảo theo hướng: Ưu tiên sử dụng đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm xã, thôn

- Các khu vực sản xuất như sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... được đưa ra ngoài khu vực trung tâm và khu vực dân cư tập trung, tránh ảnh hưởng đến môi trường nguồn nước tại những khu dân cư tập trung.

* Định hướng chung khu chức năng:

- Trung tâm xã: được xác định tại thôn Nà Nâm qua các thời kỳ, đã được đầu tư xây dựng các công trình cơ bản của một đơn vị hành chính. Định hướng xây dựng hoàn thiện khu trung tâm xã theo hướng hiện đại, bài bản và quy củ. Các công trình được phát triển theo hướng phát triển mở rộng trên cơ sở hiện tại, vị trí tập trung, giao thông thuận tiện đảm bảo phối hợp hoạt động, thuận tiện đáp ứng nhu cầu của người dân trên toàn xã; hoàn thiện trong hoạt động hành chính; bên cạnh đó xây dựng mới một số công trình còn thiếu hoặc đã xuống cấp, không đủ tiêu chuẩn quy mô tối thiểu trên cơ sở các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Tạo điểm nhấn thu hút tại khu trung tâm xã, thay đổi bộ mặt xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học, từ đó giải quyết vấn đề về lao động, phát triển kinh tế xã hội theo những mục tiêu kinh tế đã đề ra.

- Trung tâm thôn: là khu tập trung dân cư của từng thôn; bao gồm công trình nhà văn hóa thôn, điểm vui chơi giải trí TDTT sinh hoạt cộng đồng. Hiện trên địa bàn các thôn cơ bản đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu đất xây dựng hiện đã đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 200 m², một số nhà văn hóa thôn chưa đảm bảo hội trường nhà văn hóa thôn phải đảm bảo phục vụ từ 150 chỗ ngồi trở lên và còn thiếu sân chơi bãi tập, vì vậy hướng quy hoạch hiện tại là cần cải tạo xây dựng các nhà văn hóa thôn chưa đạt chuẩn về sức chứa, cũng như bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tại các thôn, bản, ngoài ra các sân thể dục thể thao thôn cũng cần được cải tạo bổ sung cơ sở vật chất, bổ sung các máy, dụng cụ tập thể dục thể thao đơn giản, bố trí sân chơi các môn thể dục thể thao đơn giản như cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá .v.vv.

Bảng 01. Tổng hợp Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội.

TT	Công trình	Tên thôn	Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích Quy hoạch (m ²)	Tăng (+) Giảm (-) (m ²)
1	Trụ sở UBND xã	Nà Nâm	1.572	1.572	0
2	Trạm y tế xã	Nà Nâm	1.306	1.306	0

3	Công an xã	Nà Nâm	603,2	1.317,2	+714
4	Ban chỉ huy QS xã	Nà Nâm	0	1.200	+1.200
5	Trường mầm non xã	Nà Nâm	4.200	4.800	+600
6	Trường Tiểu Học xã	Nà Nâm	7.476	7.476	0
7	Các phân trường mầm non và tiểu học	Các thôn			0
8	Trường THCS xã	Nà Nâm	2.792	2.792	0
9	Nhà văn hóa xã và các nhà văn hóa thôn	Nà Nâm	3.200	3.200	0
10	Sân thể thao xã và sân thể dục thể thao các thôn	Nà Nâm	7.000	10.800	+4000
11	Buru điện xã	Nà Nâm	233	233	0
12	Thao trường bắn dân quân tự vệ	Nà Nâm	6.000	10.000	+4000

Bảng 02. Tổng hợp Quy hoạch nhà văn hóa các thôn, sân TDTT các thôn:

STT	Nhà văn hóa thôn	Diện tích đất XD (m ²)	Diện tích đất Sân TDTT thôn (m ²)	Quy hoạch	Ghi chú
1	Thôn Nà Cái (Mỏ Khuyn)	365,6	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất	Sáp nhập thôn
	Thôn Nà Cái (Nà Riển)	359,0			
2	Thôn Nà Nâm (Lân Riều)	625,9	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất	Sáp nhập thôn
	Thôn Nà Nâm (Nà Nâm)	844,0			
	Thôn Nà Nâm (Xa Đán)	521,3			
3	Thôn Mỏ Đầu	542,9	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất	
4	Thôn Mỏ Pia	927,1	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất	
5	Thôn Nà Yêu (Thắm Luông)	437,58	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung	Sáp nhập
		156,7			

	Thôn Nà Yêu (Pác Giáo) Thôn Nà Yêu (Thâm Cáo)	124,9		Cơ sở vật chất	thôn
6	Thôn Lân Pán	871,0	200	Đủ diện tích, cải tạo nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất tích	

4.2. Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn.

- Các điểm dân cư mới được phát triển theo định hướng:

+ Mở mới dọc theo tuyến đường trục xã ĐH73, các tuyến đường trục thôn từ 50-80m tính từ lề đường- đảm bảo giao thông cho các lớp nhà phía trước phía sau thuận tiện.

+ Mở rộng xen cây đất ở mới trên cơ sở các khu dân cư cũ ở những khu vực thuận lợi cho xây dựng tại khu vực trung tâm xã, trung tâm thôn;

- Các vị trí quy hoạch đất ở mới cụ thể trên bản đồ ký hiệu QH:05/05 định hướng phát triển không gian toàn xã, tổng diện tích quy hoạch chuyển đổi sang đất ở mới là khoảng 12,6 ha .

5. Định hướng tổ chức không gian xã.

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng xã hội.

- *Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã*: Giữ nguyên quy mô diện tích và vị trí thuộc thôn Nà Nâm, diện tích khu đất khoảng 1.572 m². Cải tạo, bổ sung trang thiết bị làm việc.

- *Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã*: quy hoạch xây dựng tại khu đất quy mô diện tích khoảng 1198 m², phía Bắc khu đất xây dựng Nhà văn hóa xã thuộc thôn Nà Nâm. Quy mô diện tích xây dựng tối đa 400m² .

- *Trụ sở công an xã*: Giữ nguyên vị trí khu đất xây dựng thuộc thôn Nà Nâm, diện tích hiện trạng khoảng 603,2 m², quy hoạch mở rộng quy mô khu đất xây dựng thêm khoảng 714 m² về phía Bắc khu đất xây dựng hiện trạng. Nâng tổng diện tích khu đất xây dựng trụ sở Công an xã lên khoảng 1.317,2m². Đầu tư xây mới trụ sở.

- *Bưu điện xã*: Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng tại thôn Nà Nâm, diện tích khu đất xây dựng khoảng 233m²; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, đầu tư bổ sung trang thiết bị làm việc.

- *Trạm y tế xã*: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, thuộc thôn Nà Nâm (giáp phía Nam khu đất xây dựng trụ sở UBND xã), quy mô diện tích khoảng 1.306 m². Cải tạo nâng cấp đảm bảo đáp ứng theo quy định.

- *Khu thể dục thể thao xã*: Giữ nguyên 2 vị trí sân TDTT xã như hiện trạng; khoảng 7000m² sân TDTT xã tại thôn Nà Nâm và 1 sân khác với quy mô

khoảng 3.050 m² thuộc thôn Nà Yêu. Quy hoạch mở rộng sân thể dục thể thao trung tâm (Sân TDTT xã tại thôn Nà Nâm) thêm khoảng 4.000m² đảm bảo nhu cầu mục đích sử dụng và các tiêu chuẩn đối với cơ sở vật chất văn hóa –thể thao của xã nông thôn mới Nâng Cao, đảm bảo bố trí sân bóng đá 11 người 120x90m . Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$ tại các khu dân cư, khu ở.

- *Điều chỉnh chuyển đổi* khoảng 840 m² Đất rừng sản xuất thuộc thôn Nà Nâm; thành đất thông tin (xây dựng trạm phát sóng thông tin truyền thanh và di động).

- *Đất giáo dục:* Hiện trường chính mầm non, tiểu học và trường THCS xã đều đã đạt cơ sở vật chất cấp độ 1, quy mô diện tích các trường học đều đã đảm bảo. Song với mục tiêu đưa các trường chính đạt cơ sở vật chất cấp độ 2, đảm bảo các tiêu chuẩn cho số học sinh dự báo trong giai đoạn đến năm 2030, định hướng quy hoạch như sau:

** Trường Mầm Non:*

+ Trường chính Mầm Non thuộc thôn Nà Nâm: Vẫn giữ nguyên vị trí thuộc thôn Nà Nâm, quy mô khu đất xây dựng khoảng: 4.220 m². Điều chỉnh mở rộng quy mô khu đất xây dựng về phía Tây khu đất xây dựng hiện tại (trên thửa đất bằng chưa sử dụng) thêm khoảng 600 m². Nâng tổng diện tích quy mô khu đất xây dựng trường mầm non xã là khoảng 4.800 m². Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp hạng mục còn thiếu, đầu tư bổ sung trang thiết bị học tập.

+ Phân trường Mầm non thôn Nà Yêu dừng sử dụng sát nhập về trường chính mầm non.

Mục tiêu xây dựng trường mầm non đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 12m²/ chỗ học với dự báo số trẻ mầm non đến năm 2030 khoảng 200 trẻ, đảm bảo về bán kính phục vụ không quá 2km, bổ sung cơ sở vật chất.

** Trường Tiểu học:*

+ Vẫn giữ nguyên vị trí tại thôn Nà Nâm. Với quy mô khu đất xây dựng hiện tại khoảng 7.476 m². Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, đầu tư bổ sung trang thiết bị học tập.

+ Phân trường Tiểu học thôn Nà Yêu vẫn giữ nguyên vị trí và quy mô diện tích khu đất xây dựng, tiếp tục cải tạo và bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu dạy và học cho nhóm học sinh trong bán kính phục vụ.

Mục tiêu xây dựng trường tiểu học đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/ chỗ học với dự báo số học sinh khối tiểu học đến năm 2030 khoảng 220 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 1-2 km, bổ sung cơ sở vật chất.

** Trường THCS xã Tân Lập:*

+ Vẫn giữ nguyên vị trí tại thôn Nà Nâm với quy mô khu đất xây dựng hiện tại khoảng 2.792 m². Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, đầu tư bổ sung trang thiết bị học tập. Tổ chức cây xanh khuôn viên, sân chơi, bãi tập.

+ Mục tiêu xây dựng trường THCS xã đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/ chỗ học với dự báo số học sinh khối THCS đến năm 2030 khoảng 250 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 2-4km, bổ sung cơ sở vật chất.

5.2. Các công trình văn hóa:

- *Nhà Văn hóa xã*: vẫn giữ nguyên quy mô diện tích khu đất xây dựng hiện tại khoảng 3.200 m² và vị trí thuộc thôn Nà Nâm. Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, đầu tư bổ sung trang thiết bị làm việc. Hội trường đảm bảo từ 200 chỗ ngồi trở lên.

- *Nhà văn hóa thôn*: Đảm bảo 06/6 thôn có nhà văn hóa thôn, có sân TDĐT đơn giản theo tiêu chuẩn nông thôn mới, cần đảm bảo tối thiểu tổng diện tích đất xây dựng nhà văn hóa thôn và sân TDĐT đơn giản là 400 m² trở lên. (Diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa thôn tối thiểu là 200m², sân TDĐT thôn tối thiểu là 200m²)

Mật độ xây dựng 40%; tầng cao 1÷ 2 tầng; khoảng lùi ≥ 6m; Hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp dân tộc địa phương, mái dốc. (Hoặc theo mẫu ban hành); Màu sắc phù hợp với không gian cảnh quan, kiến trúc chung.

Đối với xã Tân Lập tất cả các thôn đều đã có nhà văn hóa thôn và sân thể dục thể thao thôn đảm bảo quy mô diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa thôn và sân TDĐT thôn. Vì vậy phương án Quy hoạch đối với nhà văn hóa- sân TDĐT các thôn trên địa bàn xã hầu hết là cải tạo những nhà văn hóa thôn đã xuống cấp, chưa đạt hội trường từ 150 chỗ ngồi trở lên, bổ sung cơ sở vật chất cho các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, tuyên truyền giao lưu văn hóa tại mỗi thôn.

- Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh khu dân cư tối thiểu 4m²/người trở lên theo tiêu chuẩn.

5.3. Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức để thực hiện tốt Luật Di Sản văn hóa; Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

- Tăng cường quản lý Nhà nước trong công tác quản lý, tu bổ và phục hồi di tích; Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Thực hiện dự án tôn tạo, phục hồi và bảo vệ di tích đối với các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt thuộc khu di tích Khởi nghĩa Bắc Sơn;

+ Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Lân Táy (thôn Mỏ Pia).

+ Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt hang Lân Pán (thôn Lân Pán).

+ Quy hoạch chuyển sang vị trí mới đối với khu bia tưởng niệm Nà Vò (thôn Nà Yêu).

- Một số miếu thờ công trên địa bàn xã, cần có biện pháp bảo tồn, giữ nguyên các địa điểm hiện trạng.

5.4. Công trình công cộng khác:

- Thao trường bắn dân quân tự vệ: đề xuất tăng quy mô quy hoạch lên 1ha tại vị trí hiện tại đã xác định, thuộc thôn Nà Nâm.

- Quy hoạch bãi tập kết, trung chuyển mà rác thải tại vị trí thuộc thôn Nà Yêu, rác thải được tập trung thu gom sau đó đưa đến bãi xử lý rác thải của Huyện.

5.5. Công trình dịch vụ thương mại - dịch vụ, du lịch:

Trên địa bàn xã Tân Lập hiện không có chợ xã và không quy hoạch xây dựng chợ xã, khu trung tâm xã hiện đã có nhiều cửa hàng dịch vụ, cửa hàng buôn bán nông sản, phục vụ cho nhu cầu buôn bán trao đổi của người dân. Các công trình dịch vụ thương mại nhỏ được bố trí dọc theo tuyến giao thông liên xã chủ yếu theo mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại phục vụ nhu cầu thiết yếu cho các hộ gia đình trong xã. Dọc theo tuyến giao thông trục xã ĐH.73, trục thôn, khu vực trung tâm xã và trung tâm các thôn. Tổ chức thêm các khu sản xuất kinh doanh và các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm thu hút khách du lịch, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho nhân dân.

- Quy hoạch 01 điểm thương mại dịch vụ- trung bày giới thiệu sản phẩm du lịch, hướng dẫn du lịch, giới thiệu các khu di tích lịch sử... vị trí dọc tuyến ĐH73 giáp khu di tích Lân Pán thuộc thôn Lân Pán, quy mô khoảng 2,1ha.

6. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc điểm dân cư mới và cải tạo, nâng cấp, xen cấy các điểm dân cư hiện trạng:

6.1. Nguyên tắc tổ chức điểm dân cư nông thôn:

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

- Các khu dân cư có mật độ cao có một điểm thu gom rác tập trung, các khu ở phân tán hạn chế xây dựng.

- Các khu chăn nuôi tập trung có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tới khu dân cư bằng các biện pháp trồng cây và xử lý về nước sạch, vị trí cách xa khu dân cư tập trung mật độ cao

6.2. Định hướng tổ chức:

- Khu trung tâm xã: tại thôn Nà Nâm, dọc tuyến đường liên xã ĐH73 nhà ở có diện tích nhỏ (100 - 300 m²) các hộ phía trước có thể kết hợp vừa ở và kinh doanh dịch vụ tạo thành khu dân cư tập trung.

- Thôn xóm ven các sườn đồi, núi được bố trí thành các dải và lớp. Lớp nhà phía trước là nhà nông thôn (diện tích 300 - 600 m²), có thể có kinh doanh dịch vụ nhỏ. Lớp nhà phía sau với diện tích và quy mô rộng hơn (600 - 3000 m²-

bao gồm cả diện tích vườn - rừng đồi) được xây dựng theo mô hình nhà ở kết hợp vườn đồi - trồng rừng.

7. Định hướng tổ chức sản xuất:

7.1. Vùng sản xuất nông - lâm nghiệp:

- Vùng sản xuất lúa, trồng thuốc lá:

+ Vùng 1: Vùng này bao gồm diện tích trồng lúa của toàn bộ cánh đồng thôn Nà Nâm (Thôn Xa Đán, Lân Riều, Nà Luông cũ), Thôn Nà Cái (Thôn Mỏ Khuyn, Nà Riển cũ) và thôn Mỏ Đầu. Hiện đang trồng lúa, tiếp tục đưa vào trồng lúa chất lượng cao.

+ Vùng 2: gồm diện tích trồng lúa của toàn bộ khu vực cánh đồng thôn khu vực thôn Mỏ Đầu, thôn Lân Pán(thôn Pắc Giáo, Thăm Luông và thôn Mỏ Nội cũ).

+ Vùng 3: Gồm diện tích trồng lúa của khu vực cánh đồng thôn Mỏ Pia,

- Vùng trồng màu: Nằm trên địa bàn 06/6 các thôn của xã, nhất là các khu vực sát chân núi đá và các lân. Hiện trạng trồng màu, dự kiến phát triển trồng các giống ngô, lạc, đậu tương... có năng suất cao.

- Vùng cây ăn quả: Phát triển cây ăn quả tại khu vực các lân trong xã, đặc biệt là các giống cây có múi.

- Vùng trồng rừng: tập trung bảo tồn khoanh nuôi rừng tự nhiên hiện có trên địa bàn, phát triển rừng phòng hộ tại thôn Lân Pán, (thôn Thâm Cái cũ) và thôn Mỏ Pia. Tiếp tục phát triển rừng sản xuất đang có và phát triển tiếp ở các khu vực thuộc Nà Nâm, thôn Mỏ Pia, thôn Mỏ Đầu, bao gồm: rừng sản xuất, rừng phòng hộ (Trong đó có vùng diện tích rừng phòng hộ là rừng tự nhiên).

- Khu nuôi trồng thủy sản: Tiếp tục cải tạo và phát triển diện ao hiện có, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao phù hợp với thủy văn địa phương.

- Khu chăn nuôi tập trung: đề xuất quy hoạch đất chăn nuôi tại một số lân lũng có khoảng cách xa đối với các khu dân cư tập trung, cách xa nguồn nước sinh hoạt, đảm bảo các vấn đề về vệ sinh môi trường. Đề xuất mô hình nuôi dê, bò chăn thả,...

7.2. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại:

- Phát triển và xây dựng một số điểm tiểu thủ công nghiệp chủ yếu để hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, cụ thể như hỗ trợ chế biến thô sản phẩm nông-lâm nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm nông-lâm nghiệp, một số cơ sở sửa chữa cơ khí hỗ trợ sửa chữa máy móc nông nghiệp;

- Tại khu vực có điều kiện quy hoạch 01 mỏ đất phục vụ hỗ trợ cho hoạt động xây dựng thuộc thôn Nà Nâm, quy mô khoảng 6,7 ha.

- Khu vực kinh tế dịch vụ: Khu vực thuận lợi phát triển là các thôn dọc đường ĐH73 và các đường trục thôn. Hỗ trợ xây dựng hình thành các điểm dịch

vụ nhỏ thu mua trao đổi buôn bán nông sản phục vụ nhu cầu mua bán trao đổi của người dân địa phương có thể kết hợp với nhà ở dọc đường trục xã; quy hoạch khu trung bày giới thiệu sản phẩm nông-lâm nghiệp địa phương và văn hóa địa phương, hướng dẫn địa điểm du lịch, di tích lịch sử danh lam thắng cảnh tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, cũng như bước đầu hỗ trợ phát triển ngành du lịch tại địa phương

7.3. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

Gồm hoặc có các chức năng:

- Tiêu thụ công nghiệp (một số ngành như sửa chữa nông cụ, chế biến, chọn lọc gia công thô sản phẩm nông nghiệp hỗ trợ ngành nông-lâm nghiệp tại địa phương), có quy hoạch các điểm sản xuất nhỏ (khai thác và chế biến gỗ, lò sấy thu mua thuốc lá, tách chế biến dầu lạc,...) gắn với các vùng sản xuất chuyên canh.

- Thương mại và dịch vụ sản xuất nông nghiệp (ví dụ như kinh doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi), tập trung phát triển dọc các tuyến đường trục xã, khu vực tập trung dân cư, giao thông thuận lợi dọc các tuyến đường trục xã, trục thôn, đường ĐH73... chủ yếu thuộc thôn Nà Nâm, và các thôn lân cận như thôn Lân Pán, Nà Yêu, Mỏ Đầu và thôn Nà Cái.

8. Quy hoạch sử dụng đất: (chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)

9. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại (đường liên xã):

+ Đối với tuyến đường trục chính ĐH73 nâng cấp theo định hướng chung của bộ GTVT.

Các tuyến còn lại:

+ Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông đường xã, liên xã đạt chuẩn cấp A miền núi nền đường rộng trung bình $6,0 \div 6,5\text{m}$, (Mặt cắt 1-1) mặt đường rộng $3,5\text{m}$, lề đường $1,25\text{m}$, kết cấu áo đường bê tông xi măng.

+ Đoạn qua trung tâm xã mở rộng 2 làn xe chạy, mỗi làn $3,5\text{m}$, vỉa hè mỗi bên $3,0\text{m}$, chỉ giới đường đỏ $13,0\text{m}$, (Mặt cắt 2-2) mặt cắt ngang điển hình $(3,0+7,0+3,0)\text{m}$.

- Giao thông đối nội (đường thôn):

+ Đường thôn: nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn đạt chuẩn cấp B, cấp C miền núi, chỉ giới đường đỏ $8,5\text{m} \div 9,0\text{m}$ (Mặt cắt 3-3) mặt đường rộng $3,5\text{m}$, các đoạn qua khu dân cư tập trung bố trí vỉa hè hai bên rộng trung bình $2,5\text{m}$; các đoạn khác mặt đường rộng $3,5\text{m}$, lề đường $1,25\text{m}$ (Mặt cắt 3'-3').

+ Đường nội đồng, giai đoạn đầu cải tạo nâng cấp các tuyến nội đồng hiện có, mở rộng nền đường, giai đoạn sau khi ngành sản xuất nông nghiệp áp dụng

công nghệ khoa học, cơ giới hóa cần cứng hóa bê tông các tuyến chính nội đồng, chiều rộng nền trung bình $3,5 \div 4,0\text{m}$.

- Giao thông tĩnh:

+ Tổ chức bãi đỗ xe, vịnh đỗ xe tại các công trình công cộng, trường học, đặc biệt là trường mầm non và trường tiểu học.

+ Các tuyến giao thông cắt 1 làn xe $3,0\text{m} \div 3,5\text{m}$ có chiều dài $\geq 150\text{m}$ phải có điểm quay xe.

9.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) *San nền:*

- Tận dụng tối đa nền xây dựng hiện trạng, san nền cục bộ theo từng công trình, cụm công trình, cân bằng đào, đắp đảm bảo thoát nước thuận lợi.

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng thôn sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn của từng thôn trên địa bàn xã. Các khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở giữ nguyên cốt hiện trạng. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt ($H_{Lũ\ max}$). Các công trình công cộng cần tôn nền tới cao độ $H_{Lũ\ max} + (0,3 - 0,5)\text{m}$.

b) *Thoát nước mưa:*

Hệ thống thoát nước mưa theo phương pháp tự chảy bằng hệ thống cống tròn BTCT khu trung tâm xã, mương nắp đan theo các tuyến đường thôn tập trung đông dân cư khu trung tâm, hệ thống mương hở tại các thôn có mật độ dân cư thấp, các khu ở ven các khu đất nông nghiệp, sườn đồi. Hướng thoát chủ đạo theo hướng Tây-Bắc sang phía Đông và Đông -Nam, theo hệ thống mương chảy ra các khe tụ thủy, khe suối và chảy ra suối suối chính và các nhánh suối phụ lớn nhỏ trên địa bàn xã

9.3. Cấp nước.

a) *Cấp nước sinh hoạt và PCCC*

- Dự báo nhu cầu dùng nước dự báo đến năm 2030 trên địa bàn xã là $462,23\text{ m}^3/\text{ng.đ}$.

- Trong giai đoạn đến năm 2025 sử dụng nguồn nước ngầm giếng khoan bơm tăng áp lên bể điều hòa cấp cho khu vực, kết hợp với nguồn nước tự chảy hiện có cấp nước sinh hoạt cho các thôn dân cư chưa có nguồn cấp nước tập trung. Đến năm 2030: hoàn thành xây dựng công trình cấp nước tập trung theo quy mô mỗi thôn cho các thôn còn lại với vị trí dự kiến đặt bể cấp nước tập trung gần nhà văn hóa mỗi thôn.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng và mạng lưới theo dạng cành cây. Đường ống dẫn chính từ bể điều hòa ra có đường kính $D75 \div D160\text{mm}$ được xây dựng từ bể điều hòa bố trí sọc theo đường liên xã.

- Nước cho chữa cháy được lấy từ nguồn nước sinh hoạt của xã. Hệ thống cấp nước chữa cháy nằm trong phạm vi vùng đường ống cấp nước sinh hoạt, cấp nước tại chỗ, ô tô cứu hỏa lấy nước từ các trụ chữa cháy, các trụ chữa cháy có khoảng cách 120m - 150m.

b) Cấp nước tưới sản xuất.

- Hiện xã đang sử dụng hệ thống kênh mương tưới; mương xây, mương đất tuy nhiên đến nay một số đã xuống cấp, nguồn nước tại các con suối có nguy cơ cạn kiệt .

- Để phục vụ sản xuất nông nghiệp cần giải quyết vấn đề nước tưới, định hướng quy hoạch xã đề xuất xây dựng mới 01 công trình dự trữ và điều tiết nước tưới , nguồn nước sử dụng nước suối, địa điểm nằm trong vùng nước dâng, trạm bơm này cơ bản phục nước tưới cho toàn bộ các cánh đồng khu vực lân cận thiếu nước.

- Hệ thống kênh mương; xây dựng tuyến mương dẫn nước khu vực trạm bơm mới xây dựng cải tạo nâng cấp các đập dâng tại các suối hiện trạng khai thông mương dẫn đáp ứng nhu cầu nước tưới cho nông nghiệp, Đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp trồng lúa được 2 vụ.

- Thực hiện quy hoạch theo nhu cầu kiên cố hóa tuyến mương và sửa chữa một số đập, phai đang xuống cấp trên địa bàn xã. Giai đoạn 2025-2030 phấn đấu kiên cố cứng hóa được 80% độ dài các tuyến kênh mương (nâng cấp mương đất thành mương bê tông có kích thước 0,4x0,5m), hình thành một hệ thống kênh mương nội đồng hoàn chỉnh và đạt tiêu chuẩn.

9.4. Cấp điện.

- Dự báo nhu cầu dùng điện giai đoạn đầu đến năm 2025 là: 470kVA, giai đoạn sau đến năm 2030: 650 kVA. Nguồn điện của xã hiện đang sử dụng mạng lưới trung thế quốc gia 35KV.

- Hệ thống các trạm toàn xã về cơ bản giữ nguyên, do đã đáp ứng nhu cầu dùng điện dự báo trên toàn xã đến năm 2030, Quy hoạch chỉ định hướng thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ đối với các trạm biến áp, bảo trì nâng cấp đường dây và lưới điện áp. Dự kiến xây dựng 01 trạm biến áp phục vụ cấp điện cho sản xuất cụ thể là khu chăn nuôi, khu tiểu thủ công nghiệp chế biến thô nông sản trên địa bàn xã, sẽ tính toán cụ thể công suất đáp ứng trong đề án Quy hoạch chi tiết sau này.

- Các trạm biến áp sử dụng trạm treo, cấp điện áp 35/0,4kv được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện.

- Lưới điện: cải tạo nâng cấp lưới trung thế hiện trạng 35kv theo cấp điện áp chuẩn ngành, đường dây qua khu dân cư sử dụng dây bọc cách điện.

- Lưới điện hạ áp 0,4kv hiện trạng được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện cho các thôn, dây dẫn sử dụng dây bọc cách điện.

9.5. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.

a) Thoát nước thải.

- Dự báo tổng lượng thải đến năm 2025 = 116,14 m³/ng.đ, đến năm 2030 = 191,23 m³/ng.đ.

- Giai đoạn đầu nước bẩn được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thoát nước. Giai đoạn sau khu vực trung tâm đông dân cư và các công trình công cộng, dịch vụ thương mại sẽ dùng giải pháp thoát nước riêng; bổ sung các tuyến cống bao, giếng tách nước bẩn tại các cửa xả nước mưa để thu nước bẩn về trạm xử lý tập trung của xã.

- Các hộ dân mật độ thấp tại các thôn sử dụng nhà vệ sinh 2 ngăn, nhà vệ sinh sử dụng bể tự hoại hợp cách. Các hộ chăn nuôi sử dụng giải pháp các bể Biogas sử dụng khí đốt và phân bón cho nông nghiệp.

- Nước thải y tế, nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xử lý theo quy định, tiêu chuẩn hiện hành.

b) Quy hoạch thu gom chất thải rắn, nghĩa trang.

- Chất thải rắn của xã được thu gom tập trung, chất thải cần được phân loại tại nguồn trước khi cho vào thùng chứa rác, chất thải rắn vô cơ được thu gom định kỳ và tận dụng tái chế, chất thải rắn hữu cơ được thu gom trong ngày vận chuyển đến khu tập kết, trung chuyển rác thải của xã quy mô khoảng 0,2ha thuộc thôn Nà Nâm sau đó đưa đến khu xử lý của huyện để xử lý.

- Nghĩa trang: Theo hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã hiện tổng diện tích đất nghĩa trang (nghĩa địa) khoảng 5,11 ha nằm rải rác tại các khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp tại các thôn, cần từng bước hạn chế và khoanh vùng (không mở rộng) đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân chôn cất tập trung. Giai đoạn đến năm 2030 chỉ tiêu khoảng 0,04ha/1000 người, tương đương nhu cầu đất nghĩa trang trên toàn xã đến năm 2030 là khoảng 0,12ha. Quy hoạch khu nghĩa trang tập trung tại thôn Nà Nâm với quy mô khoảng 1ha.

9.6. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục hạ tầng viễn thông thụ động:

- Tăng cường cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cho xã; Đẩy mạnh phát triển bưu chính, viễn thông, đưa bưu chính, viễn thông trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin về mọi mặt của đời sống xã hội; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành; Tăng cường đưa thông tin về cơ sở; Phấn đấu hoàn thành tiêu chí số 8 trong 19 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

- Tuân thủ theo Quy hoạch chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Thực hiện đầu tư, xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở, tạo điều kiện để người dân ở nông thôn nâng cao mức hưởng thụ thông tin.

- Nâng cấp hệ thống phát sóng truyền hình, sóng di động mục tiêu phủ sóng 3G, 4G trên địa bàn toàn xã.

10. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần đến môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn, môi trường đất, chất thải rắn, nghĩa trang và hệ sinh thái.

- Phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường.

11. Phân kỳ đầu tư

11.1. Giai đoạn 2023-2025 phấn đấu đạt đủ các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới Nâng Cao, cần ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình sau:

a) Hạ tầng xã hội:

- Thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã.

- Mở rộng trụ sở công an xã, xây mới trụ sở ban chỉ huy quân sự xã, mở rộng và bổ sung cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn, hoàn thiện sân TDTT xã, sân TDTT thôn đảm bảo theo quy định.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

+ Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông liên xã, đường xã đạt chuẩn cấp A miền núi; Thường xuyên kiểm tra sạt lở, bảo dưỡng đối với các tuyến giao thông chính. Phấn đấu đạt tiêu chuẩn, tiêu chí về giao thông theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao

+ Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã.

+ Đường nội đồng, giai đoạn đầu cải tạo nâng cấp các tuyến nội đồng hiện có, mở rộng nền đường, giai đoạn sau khi ngành sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ khoa học, cơ giới hóa cần cứng hóa bê tông các tuyến chính nội đồng, chiều rộng nền trung bình 3,5 ÷ 4,0m.

11.2. Giai đoạn sau từ 2025-2030:

a) Hạ tầng xã hội:

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện khu trung tâm xã và các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn xã.

+ Thực hiện các dự án công trình dịch vụ thương mại, du lịch, công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, dự án chăn nuôi trên địa bàn xã.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: đầu tư mở rộng tuyến trục xã (đoạn qua trung tâm xã), các tuyến đường thôn đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: cấp nước, cấp điện, thoát nước và thông tin liên lạc.

- Cấp nước sinh hoạt: đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho các thôn chưa được cấp. Cứng hóa 100% tuyến mương, phai đập; Cải tạo, sửa chữa các phai nước, đập dâng xuống cấp trên địa bàn xã.

- Đến năm 2030 tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%

12. Khái toán tổng mức đầu tư :

12.1. Khái toán nhu cầu vốn

Khái toán tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện QHC giai đoạn 2021- 2030 của xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn là 309,380 tỷ đồng, trong đó:

+ Quy hoạch là 1,78 tỷ đồng, chiếm 0,58 % tổng vốn đầu tư;

+ Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội 275,6 tỷ đồng, chiếm 89,08% tổng vốn đầu tư.

+ Phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất 12 tỷ đồng, chiếm 3,88% tổng vốn đầu tư.

+ Phát triển văn hóa, xã hội và môi trường 15 tỷ đồng, chiếm 4,85% tổng vốn đầu tư.

+ Hệ thống chính trị 5 tỷ đồng, chiếm 1,62% tổng vốn đầu tư.

12.2. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

13. Tiến trình thực hiện các dự án đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Các công trình hạ tầng xã hội: Trụ sở xã, Trụ sở công an, trụ sở ban chỉ huy quân sự xã, trường học, trạm y tế xã,...;

- Hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn;

- Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, sân thể thao xã, sân thể thao thôn;

- Đường giao thông theo thứ tự đường xã, đường thôn, nội thôn, xóm ngõ, nội đồng;

- Công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông - thủy lợi, nước sinh hoạt, thu gom rác thải;

- Công trình thương mại-dịch vụ; Du lịch, khu chăn nuôi tập trung và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân xã Tân Lập phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan công bố công khai nội dung đề án quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. UBND xã Tân Lập xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt và thực hiện quản lý theo Quy chế quản lý xây dựng đúng với quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Sơn, Chủ tịch UBND xã Tân Lập, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây Dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thị Thanh Nga